UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2581 /SXD-QLXD&VL V/v hướng dẫn tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	*Bình Định, ngày 04 tháng 08 năm 2023*

Kính gửi: - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Ngày 23/3/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/NQ-HĐND quyết định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025.

Để việc xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025 được thống nhất, Sở Xây dựng hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân các nội dung sau:

A. Căn cứ pháp lý.

- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/06/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Ban hành danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 20/06/2023 của UBND tỉnh Ban hành bổ sung danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2025;

- Quyết định số 02/2023QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/04/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng để thực hiện chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 85/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 19/07/2023 của UBND tỉnh ban hành thiết kế mẫu đối với các công trình: Nhà văn hóa thôn, làng (quy mô 01 tầng), Trường mầm non, mẫu giáo (quy mô 01 tầng) thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Văn bản số 3615/UBND-KT ngày 05/06/2023 về việc áp dụng thiết kế mẫu mặt đường BTXM để thực hiện công trình đường BTXM giao thông nông thôn áp dụng cơ chế đặc thù các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 234/BXD-KTXD ngày 19/01/2023 của Bộ Xây dựng về việc lập và quản lý chi phí dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia;

- Văn bản số 5316/BXD-GĐ ngày 22/11/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công, nội dung, định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

B. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc tổ chức thực hiện.

I. Phạm vi điều chỉnh:

Văn bản này hướng dẫn việc tổ chức thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định mới tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có hiệu lực thi hành.

II. Đối tượng áp dụng:

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

III. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù:

Thực hiện theo quy định tại điều 13 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do người dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư.

- Đóng góp của người dân có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

- Ưu tiên sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù. Đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được xác định trên cơ sở giá thị trường được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng

C. Trình tự tổ chức tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

I. Danh mục các dự án và tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù.

1. Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù:

Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 09/07/2023 và Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 20/06/2023 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

(1) Công trình kênh mương;

(2) Công trình đường bê tông xi măng giao thông nông thôn;

(3) Công trình Trường mầm non, mẫu giáo (quy mô 01 tầng);

(4) Công trình Nhà văn hóa thôn, làng (quy mô 01 tầng).

2. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù:

Dự án quy định tại khoản 1, mục I, phần C văn bản này khi đảm bảo các tiêu chí theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được thực hiện theo cơ chế đặc thù, cụ thể như sau:

(1) Thuộc nội dung đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

(2) Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

(3) Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng.

(4) Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.

II. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (gọi tắt là Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản).

Việc lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Trách nhiệm lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

a) Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn (trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho thôn thực hiện công trình) có trách nhiệm lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

Căn cứ kế hoạch triển khai hỗ trợ đầu tư của địa phương Ban quản lý xã thông báo đến cộng đồng dân cư tại thôn về dự án, công trình để tham gia vào quá trình lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

c) Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản: Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh.

2. Nội dung của Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản bao gồm:

a) Thuyết minh Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đảm bảo đầy đủ các nội dung sau (theo mẫu tại Phụ lục 1):

- Tên dự án, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, diện tích đất sử dụng, chủ đầu tư, quy mô, thời gian thực hiện.

- Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư bao gồm: Kinh phí Nhà nước hỗ trợ (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương các cấp), đóng góp của người dân và vốn huy động hợp pháp khác.

- Dự kiến năng lực tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi; kế hoạch lựa chọn nhà thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng dân cư. Trong đó hình thức lựa chọn nhà thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: Tham gia thực hiện của cộng đồng.

b) Bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng (theo mẫu tại Phụ lục 2); Bản vẽ thi công theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có, đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện, trong đó:

- Đối với công trình đường bê tông xi măng giao thông nông thôn: Áp dụng thiết kế mẫu đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/04/2021.

- Đối với công trình kênh mương: Áp dụng thiết kế mẫu đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 85/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020.

- Đối với công trình Trường mầm non, mẫu giáo (quy mô 01 tầng): Áp dụng thiết kế mẫu đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 19/07/2023.

- Đối với công trình Nhà văn hóa thôn, làng (quy mô 01 tầng): Áp dụng thiết thiết kế mẫu đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 19/07/2023. Riêng UBND 03 huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh xem xét, quyết định áp dụng các thiết kế sẵn có của công trình Nhà văn hóa thôn, làng (quy mô 01 tầng) đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán, điều kiện thực tế của địa phương, đáp ứng các quy định tại: Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011, Thông tư 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Về nguyên tắc, phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng:

Thực hiện quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, các Thông tư của Bộ Xây dựng ban hành (Số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng;

số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình) và pháp luật có liên quan phù hợp với đặc thù về tính chất và điều kiện thực hiện công trình thuộc Chương trình.

4. Thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản:

a) Thành phần hồ sơ trình thẩm định:

- Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản theo hướng dẫn tại khoản 2, mục II, phần C văn bản này;

- Biên bản cuộc họp của cộng đồng dân cư;

- Các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

b) Cơ quan thực hiện thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản:

UBND cấp xã lập tổ thẩm định để thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, thành phần bao gồm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Tổ trưởng;

- Đại diện Ban giám sát của cộng đồng xã, công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, tài chính - kế toán, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn (nếu có).

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.

c) Nội dung thẩm định:

- Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch có liên quan.

- Đánh giá sự phù hợp của bản vẽ thi công với điều kiện thực tế mặt bằng thi công công trình; mức độ an toàn và giải pháp đảm bảo an toàn đối với các công trình hạ tầng lân cận, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường; tính khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của cộng đồng dân cư, tổ chức được giao thi công.

- Tính hợp lý của các chi phí so với giá thị trường tại địa phương, với các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (nếu có).

- Khả năng huy động vốn theo cơ cấu từng nguồn vốn, gồm: Vốn nguồn ngân sách nhà nước so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đóng góp của tổ chức, cá nhân và vốn huy động hợp pháp khác.

- Tiến độ thi công dự kiến.

d) Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: Cơ quan thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản (theo mẫu tại Phụ lục 3) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Phê duyệt đầu tư dự án xây dựng công trình đơn giản:

a) Thẩm quyền phê duyệt đầu tư dự án xây dựng công trình đơn giản

Căn cứ ý kiến thẩm định, Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn (trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho thôn thực hiện công trình) hoàn thiện Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

b) Điều kiện phê duyệt đầu tư dự án xây dựng công trình đơn giản:

Đối với các dự án khởi công mới được bố trí vốn hằng năm, thời gian phê duyệt đầu tư dự án phải đảm bảo trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho dự án.

III. Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.

Các nội dung về hình thức lựa chọn nhà thầu, nguyên tắc lựa chọn nhà thầu, tư cách hợp lệ của hợp tác xã, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện gói thầu, quy trình lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: Tham gia thực hiện của cộng đồng.

2. Nguyên tắc lựa chọn nhà thầu tham gia thực hiện gói thầu có sự tham gia của cộng đồng

a) Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ là người dân cư trú trên địa bàn xã có dự án, có kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật về tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng có quy mô nhỏ và không phức tạp.

b) Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã đủ điều kiện thực hiện gói thầu, Ủy ban nhân dân cấp xã được mở rộng lựa chọn trên địa bàn huyện.

c) Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện gói thầu trên địa bàn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn hợp tác xã thực hiện gói thầu.

3. Tư cách hợp lệ của hợp tác xã, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện gói thầu:

a) Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tín nhiệm lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng.

b) Hợp tác xã tham gia thực hiện gói thầu phải có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã hoặc huyện có dự án, trong đó ưu tiên lựa chọn hợp tác xã có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã nơi có dự án; phải có Hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện công trình đầu tư tương tự; có cam kết sử dụng nhân công trực tiếp thực hiện các hoạt động xây dựng công trình là người dân tại địa bàn xã có dự án.

4. Quy trình lựa chọn nhà thầu

a) Ban quản lý xã dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

b) Ban quản lý xã niêm yết thông báo công khai (tối thiểu 3 ngày làm việc) về việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu.

c) Nhà thầu quan tâm đến dự án đầu tư nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu hoặc dự án gồm: Họ và tên, độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu; giá nhận thầu và tiến độ thực hiện.

d) Ban quản lý xã xem xét, đánh giá lựa chọn nhà thầu tốt nhất và mời đại diện vào đàm phán, ký kết hợp đồng; trong đó, ưu tiên hợp tác xã, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ sử dụng nhân công là người dân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 15 ngày.

5. Trường hợp cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án theo định mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

IV. Quản lý chất lượng, giám sát thi công xây dựng công trình, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình, thanh toán và quyết toán dự án đầu tư xây dựng.

1. Tổ chức thi công công trình

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, kết quả lựa chọn đơn vị thi công và kế hoạch giao vốn, Ban quản lý xã tiến hành ký kết hợp đồng với đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ nhóm thợ trúng thầu để tổ chức thực hiện.

b) Trường hợp áp dụng cơ chế quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định này, căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, Ban quản lý xã ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện.

2. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù.

Chi phí quản lý dự án theo điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh.

3. Giám sát thi công xây dựng công trình

Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nội dung giám sát thi công thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 9 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Kiểm tra và xác nhận về chủng loại, chất lượng, khối lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình và các hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ, chứng minh về chất lượng (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế.

b) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà thầu thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và tiến độ thi công của công trình; thực hiện công tác nghiệm thu theo quy định.

c) Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công, khối lượng thi công xây dựng hoàn thành; tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định.

4. Nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình

Việc nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 9 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP. Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình; kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản; riêng nghiệm thu công việc xây dựng có thể ghi trực tiếp vào nhật ký thi công xây dựng công trình. Nội dung biên bản chủ yếu như sau:

a) Tên công việc xây dựng hoặc công trình được nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu.

b) Thành phần ký biên bản nghiệm thu công việc xây dựng gồm:

- Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã;

- Đại diện nhà thầu thi công.

c) Thành phần ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình gồm:

- Các thành phần nêu trên cùng với đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

d) Kết luận nghiệm thu, trong đó nêu rõ chấp thuận, hoặc không chấp thuận nghiệm thu; yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện công việc đã thực hiện và các yêu cầu khác (nếu có).

5. Thanh toán và quyết toán dự án đầu tư xây dựng: Thực hiện theo Quyết định số 02/2023QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung còn vướng mắc, thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ảnh kịp thời về Sở Xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng sẽ báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các PCM (để biết);
- VP Sở, Thanh tra Sở (để biết);
- Website Sở (đăng tin);
- Lưu: VT, P.QLXD&VLXD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Lê Anh Sơn